

UBND HUYỆN GIAO THỦY
PHÒNG TƯ PHÁP

Căn cứ Kế hoạch số: 70/KH-BCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Ban chỉ đạo Phòng chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc huyện Giao Thủy. Để hưởng ứng đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm ma túy, tháng hành động phòng chống ma túy, ngày toàn dân phòng chống ma túy từ ngày 01/6/2021 đến ngày 30/6/2021, Phòng Tư pháp huyện xây dựng bộ tài liệu:

HỎI – ĐÁP PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG – CHỐNG MA TÚY:

(Căn cứ pháp lý:

- Luật Phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2008;
- Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống, chống bạo lực gia đình;
- Nghị định 94/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9/9/2010 quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng)

Câu 1. Hỏi: Chất ma túy là gì?

Đáp: Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành. (Theo Khoản 1 Điều 2)

Câu 2. Hỏi: Phân biệt "chất gây nghiện" và "chất hướng thần" với "thuốc gây nghiện" và "thuốc hướng thần"?

Đáp:

Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện.

Còn thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ y tế ban hành.

Câu 3. Hỏi: Sự tác động của ma túy tới cơ thể con người?

Đáp: Nghiện ma túy ảnh hưởng đến sức khỏe của người nghiện, có thể dẫn đến nhiễm độc mãn tính cho cơ thể, gây ra rối loạn ở từng bộ phận, đến suy nhược toàn thân của người nghiện như:

Đối với hệ tiêu hoá, người nghiện luôn có cảm giác chán ăn, vì vậy họ không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hoá giảm, thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng, đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón.

Đối với hệ tuần hoàn, thường bị loạn nhịp, huyết áp tăng giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng, đặc biệt là hệ mạch não làm ảnh hưởng đến hoạt động của bộ não. Do tiêm chích thường không vô trùng, nên dễ dẫn đến nhiễm trùng máu, viêm tắc tĩnh mạch, thường gặp viêm tắc tĩnh mạch hai chi dưới.

Đối với hệ hô hấp, những đối tượng hít ma túy thường bị viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới.

Các bệnh về da, người nghiện bị rối loạn cảm giác da nên không cảm giác thấy bản, họ thường sợ nước, vì vậy họ rất ngại tắm rửa- đây là điều kiện thuận lợi cho các bệnh da phát triển như: ghẻ, lở, hắc lào, viêm da não.

Nghiện ma túy làm suy giảm chức năng thải độc, người nghiện ma túy, chất hêrôin, làm cho chất độc tích tụ trong cơ thể, càng làm cho gan, thận và toàn cơ thể suy yếu nên người nghiện hay bị các triệu chứng: áp xe gan, viêm gan, suy gan, suy thận, có khi dẫn đến tử vong.

Đối với hệ thần kinh, người nghiện nặng có biểu hiện rối loạn phản xạ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, trí nhớ giảm sút, viêm dây thần kinh, rối loạn cảm giác, run chân tay, chậm chạp, u sầu, ngại vận động, dễ bị kích động dẫn tới tội ác. Nếu dùng ma túy liều cao có thể bị ngộ độc cấp tính, biểu hiện rối loạn tâm thần nặng, hôn mê.

Nghiện ma túy sẽ dẫn tới suy nhược toàn thân, suy giảm sức lao động, giảm tuổi thọ.

Câu 4. Hỏi: Ma túy gây ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống và nòi giống như thế nào?

Đáp:

- Ma túy làm thay đổi nhân cách người nghiện. Ma túy làm cho người nghiện thay đổi trạng thái tâm lý, sa sút về tinh thần, thay đổi nhân cách.

Họ thường xa lánh nếp sinh hoạt lành mạnh như: học tập vui chơi, lao động, thể thao, yêu thương và yêu người thân, bè bạn. Họ thường sống ủ dột, cách biệt xa lánh mọi người, xa lánh bạn tốt, chỉ tìm bạn nghiện để chơi và cùng nhau sử dụng ma túy họ thường cáu gắt, nói dối, ăn cắp, gây xung đột với bố mẹ, anh chị em, vợ con.

- Nghiện ma túy làm tổn hại đến tình cảm và hạnh phúc gia đình

Do tính tình người nghiện ma túy hay thay đổi và do mâu thuẫn về quyền lợi, nên họ luôn chống lại người thân trong gia đình, họ hay gây gỗ, cáu gắt, lừa dối, dẫn đến tình cảm sút mẻ, xung đột trong gia đình ngày càng tăng. Có người nghiện đã đánh lại cha mẹ, hành hạ vợ con, gây tội ác với bà con lối xóm, xã hội... gây mất trật tự an toàn xã hội.

- Nghiện ma túy ảnh hưởng đến sự phát triển nòi giống.

Lúc mới sử dụng ma túy thường gây kích thích tình dục, vì vậy để thoả mãn nhu cầu, đối tượng có thể quan hệ với gái mại dâm, cho nên rất dễ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục: lậu, giang mai, HIV.

Khi đã nghiện ma túy nặng, các hoóc môn sinh dục bị suy giảm nên sinh con ốm yếu, trí tuệ chậm phát triển.

Đối với phụ nữ có thai, nghiện ma túy có thể dẫn đến xảy thai, thai lưu, đẻ non, suy dinh dưỡng bào thai, gầy gò, ốm yếu, khó nuôi, chậm phát triển về thể lực và trí tuệ.

- Đối tượng nghiện ma túy có nguy cơ bị lây nhiễm HIV/AIDS.

Phương thức lây nhiễm chủ yếu bằng hai con đường: đường tình dục và đường máu. Lúc mới nghiện ma túy người nghiện ma túy được kích thích tình dục, để thoả mãn nhiều người đã quan hệ với gái mại dâm, nên rất dễ bị lây nhiễm HIV/AIDS và truyền bệnh này từ người này sang người khác. Khi tiêm chích ma túy, đối tượng thường dùng chung bơm kim tiêm mà không khử trùng hoặc khử trùng qua loa không đảm bảo yêu cầu vệ sinh, vì vậy họ rất dễ bị lây nhiễm HIV/AIDS (ở Việt Nam 65% người nhiễm HIV/AIDS là người nghiện ma túy).

Câu 5. Hỏi: Thế nào là người nghiện ma túy?

Đáp: Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

Người nghiện ma túy có các đặc trưng sau:

- Có sự ham muốn không kìm chế được và phải sử dụng nó bất kỳ giá nào.
- Có khuynh hướng tăng dần liều dùng (liều dùng lần sau cao hơn liều dùng trước mới có tác dụng).
- Tâm sinh lý bị lệ thuộc vào tác dụng của chất đó.
- Thiếu thuốc sẽ xuất hiện các triệu chứng như: uể oải, hạ huyết áp, lên cơn co giật, đau đớn và có thể làm bất cứ điều gì miễn là có chất ma túy để dùng.

Câu 6. Hỏi: Luật Phòng, chống ma túy nghiêm cấm các hành vi nào?

Đáp: Theo Điều 3 Luật PCMT, luật nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Trồng cây có chứa chất ma túy;
2. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;
3. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy;

4. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy;
5. Hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội về ma túy mà có;
6. Chống lại hoặc cản trở việc cai nghiện ma túy;
7. Trả thù hoặc cản trở người có trách nhiệm hoặc người tham gia phòng, chống ma túy;
8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy;
9. Các hành vi trái phép khác về ma túy.

Câu 7. Hỏi: Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của ai?

Đáp: Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống ma túy thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Câu 8. Hỏi: Cá nhân, gia đình có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Đáp: Theo Điều 6 Luật PCMT, cá nhân, gia đình có trách nhiệm sau:

1. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy;
2. Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh;
3. Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác;
4. Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Câu 9. Hỏi: Tệ nạn ma túy trong học đường đang là vấn đề quan tâm, lo lắng của xã hội, nhất là các phụ huynh học sinh, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm gì trong việc phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên?

Đáp: Để phòng ngừa và loại bỏ tệ nạn ma túy trong học sinh, sinh viên, Điều 10 Luật PCMT quy định trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục khác như sau:

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh

viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy;

2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy;

3. Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

Câu 10. Hỏi: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Đáp: Theo Điều 9 Luật PCMT, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh;

2. Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tệ nạn ma túy;

3. Giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư;

4. Phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

Câu 11. Hỏi: Người tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được bảo vệ và giữ bí mật như thế nào?

Đáp: Theo Điều 14 Luật PCMT,

Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật; nếu bị thiệt hại về tài sản thì được Nhà nước đền bù.

Trường hợp cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

Câu 12. Hỏi: Người nghiện ma túy có trách nhiệm gì?

Đáp: Theo Khoản 1 Điều 26 Luật PCMT, người nghiện ma túy có trách nhiệm:

1. Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy.

2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.

Câu 13. Hỏi: Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm gì?

Đáp: Theo Khoản 2 Điều 26 Luật PCMT, gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm sau:

1. Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;

2. Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

4. Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.

Câu 14. Hỏi: Cai nghiện ma túy gồm các biện pháp và hình thức gì?

Đáp:

- Các biện pháp cai nghiện ma túy gồm:

+ Cai nghiện ma túy tự nguyện;

+ Cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Các hình thức cai nghiện ma túy gồm:

+ Cai nghiện ma túy tại gia đình;

+ Cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

+ Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

Câu 15. Hỏi: Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng được áp dụng đối với các trường hợp nào?

Đáp: Theo Điều 27 Luật PCMT, hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng được áp dụng đối với người tự nguyện cai nghiện, trừ trường hợp người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện.

Trường hợp người nghiện ma túy không tự nguyện cai nghiện thì áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng.

Câu 16. Hỏi: Hình thức cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với các trường hợp nào?

Đáp: Theo Điều 28 và 29 Luật PCMT, hình thức cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc được áp dụng đối với các trường hợp sau:

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định phải được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc từ một năm đến hai năm.

Người nghiện ma túy tự nguyện làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc và không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tự nguyện hoặc được gia đình làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

Việc cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy này không coi là việc xử lý vi phạm hành chính.

Câu 17. Hỏi: Hình thức cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc có áp dụng cho người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không?

Đáp: Theo Điều 29 Luật PCMT, hình thức cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc có áp dụng cho người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi: Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tự nguyện hoặc được gia đình làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

Việc cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy này không coi là việc xử lý vi phạm hành chính.

Câu 18. Hỏi: Trong thời gian cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy có trách nhiệm gì?

Đáp: Theo Điều 30 Luật PCMT, trong thời gian cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy có trách nhiệm tuân thủ nội quy và chịu sự quản lý, giáo dục của cơ sở cai nghiện bắt buộc; lao động, học tập, chữa bệnh để cai nghiện và góp phần đảm bảo đời sống trong thời gian cai nghiện.

Câu 19. Hỏi: Hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 21 NĐ 167/2013/NĐ-CP, vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy bị xử phạt như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt chất ma túy trái phép;

b) Tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;

c) Sản xuất, mua, bán những dụng cụ sử dụng chất ma túy trái quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi trồng các loại cây thuốc phiện, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Người chủ hoặc người có trách nhiệm quản lý nhà hàng, cơ sở cho thuê lưu trú, câu lạc bộ, các phương tiện giao thông và các nơi khác để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực, phương tiện mình quản lý;

b) Môi giới, giúp đỡ, tạo điều kiện hoặc bằng các hình thức khác giúp cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Chuyển chất ma túy, chất hương thần hoặc các chất ma túy khác cho người không được phép cất giữ, sử dụng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cung cấp trái pháp luật địa điểm, phương tiện cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh các chất có chứa chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất ma túy;

c) Vi phạm các quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất ma túy;

d) Vi phạm các quy định về giao nhận, tàng trữ, vận chuyển chất ma túy, tiền chất ma túy;

đ) Vi phạm các quy định về phân phối, mua bán, sử dụng, trao đổi chất ma túy, tiền chất ma túy;

e) Vi phạm các quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trên biển.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và Khoản 5 Điều này.

7. Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và Khoản 5 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 20. Hỏi: Người phạm tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 247 Bộ luật Hình sự 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 06 tháng đến 07 năm, có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Cụ thể:

“1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Với số lượng 3.000 cây trở lên;

c) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

4. Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.”

Câu 21. Hỏi: Người phạm tội sản xuất trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 248 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
- e) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 200 mililit;
- i) Tái phạm nguy hiểm;
- k) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất chuyên nghiệp;
- b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

d) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

đ) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililit đến dưới 750 mililit;

e) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam trở lên;

c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam trở lên;

d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit trở lên;

đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 22. Hỏi: Người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 249 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 01 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

h) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

n) Tái phạm nguy hiểm;

o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 23. Hỏi: Người phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 250 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

e) Vận chuyển qua biên giới;

g) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

h) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

i) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

k) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

l) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

m) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

n) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;

o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản này;

p) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 24. Hỏi: Người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 251 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Mua bán với 02 người trở lên;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;
- g) Qua biên giới;

h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

k) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;

p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm n khoản này;

q) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;

b) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;

c) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;

d) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;

đ) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;

c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;

- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 25. Hỏi: Người phạm tội chiếm đoạt chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 252 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 01 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
 - b) Phạm tội 02 lần trở lên;
 - c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
 - d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
 - đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
 - e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;
 - g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;
 - h) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;
 - i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;
 - k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;
 - l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
 - m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;
 - n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;
 - o) Tái phạm nguy hiểm.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 đến 15 năm:
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;
 - đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;
 - e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;
 - g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;
 - h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.
4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 15 đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;
- b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;
- c) Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;
- d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;
- h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 26. Hỏi: Người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 253 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 01 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- b) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 50 gam đến dưới 200 gam;
- c) Tiền chất ở thể lỏng từ 75 mililit đến dưới 300 mililit.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 200 gam đến dưới 500 gam;
- e) Tiền chất ở thể lỏng từ 300 mililít đến dưới 750 mililít;
- g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- h) Vận chuyển, mua bán qua biên giới;
- i) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:

- a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 500 gam đến dưới 1200 gam;
- b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililít đến dưới 1.850 mililít.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Tiền chất ở thể rắn có khối lượng 1.200 gam trở lên;
- b) Tiền chất ở thể lỏng có thể tích 1.850 mililít trở lên.

5. Trường hợp phạm tội có cả tiền chất ở thể rắn và tiền chất ở thể lỏng thì quy đổi để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, với tỷ lệ 01 gam tiền chất ở thể rắn tương đương với 1,5 mililít tiền chất ở thể lỏng. Sau khi quy đổi, số lượng tiền chất thuộc điều khoản nào thì người thực hiện hành vi phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều khoản đó.

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 27. Hỏi: Người phạm tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 254 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 01 năm đến 10 năm; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
- đ) Vận chuyển với số lượng 20 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại trở lên;
- e) Vận chuyển qua biên giới;
- g) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;
- h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 28. Hỏi: Người phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 255 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- d) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;
- đ) Đối với người đang cai nghiện;
- e) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- g) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;
- h) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

b) Gây tổn hại cho sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

d) Đối với người dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

b) Làm chết 02 người trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 29. Hỏi: Người phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 256 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 15 năm; có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Cụ thể:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với người dưới 16 tuổi;

d) Đối với 02 người trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Câu 30. Hỏi: Người phạm tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 257 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 02 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Cụ thể:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Vi động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;
- d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Đối với người đang cai nghiện;

h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

- i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;
- k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc gây chết người;

- b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;
- c) Đối với người dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội trong trường hợp làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

Câu 31. Hỏi: Người phạm tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 258 BLHS 2015, người phạm tội này bị phạt tù từ 01 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Cụ thể:

“1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;

- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;
- d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;
- e) Đối với 02 người trở lên;
- g) Đối với người đang cai nghiện;
- h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
- i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác;
- k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

- a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người;
- b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;
- c) Đối với người dưới 13 tuổi.

4. Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

Câu 32. Hỏi: Người phạm tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần thì bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Theo Điều 259 BLHS 2015, người phạm tội này tùy từng trường hợp cụ thể bị xử phạt như sau:

- Bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
- Bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.
- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Cụ thể:

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, kê đơn, bán thuốc, giám định, nghiên cứu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các

hành vi này hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm về ma túy, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh các chất có chứa chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất;

b) Vi phạm các quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, tiền chất;

c) Vi phạm các quy định về giao nhận, tàng trữ, vận chuyển chất ma túy, tiền chất;

d) Vi phạm các quy định về phân phối, mua bán, sử dụng, trao đổi chất ma túy, tiền chất;

đ) Vi phạm các quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, tiền chất tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trên biển;

e) Chuyển chất ma túy, chất hướng thần hoặc chất ma túy khác cho người không được phép cất giữ, sử dụng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Câu 33. Hỏi: Theo pháp luật hiện hành, việc đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình được quy định như thế nào?

Đáp: Việc đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình được quy định tại Điều 9 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP như sau:

- Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Tổ công tác giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung:

tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình;

- + Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;
- + Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện ma túy.

Câu 34. Hỏi: Theo pháp luật hiện hành, hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm những nội dung gì? Việc xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

1. Theo quy định tại *Điều 13 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP*, hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm:

- Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng;
- Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy.

Tổ công tác cai nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng.

2. Việc xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng được quy định như sau:

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, lập danh sách đối tượng tự nguyện cai nghiện và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng.

- Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Câu 35. Hỏi: Theo pháp luật hiện hành, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được lập bởi ai và bao gồm những gì?

Đáp: Theo quy định tại *Điều 17 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP* thì:

1. Trưởng Công an xã hoặc tương đương chủ trì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác.

2. Hồ sơ gồm:

- a) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;
- b) Biên bản hoặc các tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma túy;
- c) Văn bản của Trưởng Công an xã hoặc tương đương đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Câu 36. Hỏi: Trong trường hợp nào thì người cai nghiện được miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng thì thủ tục miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được thực hiện như thế nào?

Đáp: Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP thì:

1. Các trường hợp sau đây được miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

- Đang mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;
- Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó tự nguyện cai nghiện, không còn sử dụng ma túy có Giấy xác nhận đã hoàn thành thời gian tự nguyện cai nghiện.

2. Thủ tục miễn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng như sau:

- Người phải chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải làm đơn đề nghị hoãn, miễn (kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hoãn, miễn, tự nguyện cai nghiện) gửi Tổ trưởng Tổ công tác;
- Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tổ trưởng Tổ công tác xem xét, thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ trưởng Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định.

Câu 37. Hỏi: Theo pháp luật hiện hành, trách nhiệm của người nghiện ma túy thực hiện các hình thức cai nghiện tại cộng đồng và cai nghiện tại gia đình được quy định như thế nào?

Đáp: Theo Điều 26 Luật Phòng chống ma túy và Nghị định 94/2010/NĐ-CP thì người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tại cộng đồng và cai nghiện tại gia đình có trách nhiệm sau:

- Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi mình cư trú;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chuyên môn, kế hoạch cai nghiện cá nhân;

- Hàng tháng phải báo cáo với người được phân công trực tiếp giúp đỡ về tình hình điều trị, cai nghiện, kết quả và sự tiến bộ của mình;

- Phải có mặt khi Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu; nếu vắng mặt mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đến trụ sở Ủy ban nhân dân yêu cầu làm kiểm điểm về hành vi vi phạm đó;

- Đóng góp chi phí cai nghiện theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.